

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 01 - 2025

V/v: Ly hôn có yếu tố nước ngoài

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phúc An Hoàn,

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh và bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Hảo, Kiểm sát viên.

Ngày 23/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2024/TLST - HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn có yếu tố nước ngoài”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16/12/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06/01/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Triệu Thị X, sinh năm 1993; Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang; Nơi ở hiện nay: Tầng E, số F ngõ B đoạn 1 đường T, quận B, thành phố T, Đài Loan (Trung Quốc). *Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

*Người đại diện theo ủy quyền giao, nhận tài liệu, chứng cứ cho nguyên đơn:* Ông Trương Minh H và ông Nguyễn Việt T; địa chỉ: D T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

**Bị đơn:** Anh Sầm Văn L, sinh năm 1990; Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang; Hiện đang sinh sống làm việc tại Ba Lan (không rõ địa chỉ). *Vắng mặt.*

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Ông Sầm Văn P, sinh năm 1967 và bà Đặng Thị C, sinh năm 1964; Cùng địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Triệu Thị X trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Sầm Văn L, sinh ngày 14/5/1990; Nơi thường trú: Thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 05/2011 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang ngày 30 tháng 3 năm 2011. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng khá hạnh phúc. Sau đó vì phát triển kinh tế gia đình, năm 2017 chị X sang Đài Loan (Trung Quốc) xuất khẩu lao động. Do khoảng cách địa lý xa nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù nhiều lần tìm cách nói chuyện hàn gắn nhưng mâu thuẫn không được cải thiện mà càng trở nên gay gắt hơn. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang giải quyết ly hôn giữa chị và anh Sầm Văn L.

Về con chung: Chị và anh Sầm Văn L có 02 con chung là cháu Sầm Ngọc K, sinh ngày 17/9/2012 và cháu Sầm Minh T1, sinh ngày 01/5/2014. Hiện hai cháu đang sinh sống và học tập ổn định tại thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Khi ly hôn chị đề nghị giao cháu K cho chị nuôi dưỡng, giao cháu T1 cho anh L nuôi dưỡng. Nhưng do chị đang lao động ở nước ngoài chị đề nghị Tòa án tạm giao cháu K cho ông Sầm Văn P thay chị chăm sóc cháu K đến khi chị về nước. Chị không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Triệu Thị X đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Bị đơn anh Sầm Văn L đang ở Ba Lan nhưng không rõ địa chỉ:*

Tòa án tiến hành niêm yết tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi người thân thích của anh Sầm Văn L cư trú và tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho anh L thông qua ông Sầm Văn P và bà Đặng Thị C (bố mẹ đẻ anh L); Cùng trú tại địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

Đồng thời, Tòa án tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ:

*Tại Công văn số: 1284/QLXNC - Đ1 ngày 28/10/2024 của Phòng Q Công an tỉnh T về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh xác định:* Chị Triệu Thị X, sinh ngày 04/9/1993; giới tính: Nữ; Số Chứng minh nhân dân: 070911571; Nơi đăng ký hộ khẩu làm hộ chiếu số C3989876: Thôn L, xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Qua tra cứu phần mềm quản lý xuất nhập cảnh tại đơn vị, Triệu Thị X đã sử dụng hộ chiếu số C3989876 xuất cảnh lần gần nhất ngày 20/8/2024 (09:34:04) tại Sân bay quốc tế N, hiện chưa nhập cảnh lại Việt Nam.

*Tại công văn số: 02/CV- CAX ngày 05/01/2025 của Công an xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang xác định:* Công dân Triệu Thị X, sinh năm 1993, quê quán: xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang hiện tại không có hộ khẩu thường trú tại địa

phương; đã chuyển khẩu đến xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang vào năm 2011 với lý do chuyển khẩu là kết hôn.

*Tại công văn số: 102/CV- CAX ngày 30/12/2024 của Công an xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang về việc cung cấp thông tin công dân xác định:* Công dân Triệu Thị X, sinh ngày 04/9/1993, ĐDCN: 008193008780, quê quán: B, C, Tuyên Quang; có hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang; thời gian đăng ký thường trú: 27/4/2011; lý do chuyển khẩu đến địa phương: Đăng ký kết hôn với anh Sầm Văn L.

*Tại Công văn số: 1564/QLXNC - Đ1 ngày 17/12/2024 của Phòng Q Công an tỉnh T về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh xác định:* Anh Sầm Văn L, sinh ngày 14/5/1990; giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang, hộ chiếu số P02831182 xuất cảnh ngày 04/7/2024 qua Sân bay N nhưng chưa có thông tin nhập cảnh.

*Tại biên bản xác minh với tổ trưởng tổ an ninh thôn C, xã T, huyện N ông Trương Văn N cung cấp:* Chị X và anh L đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang năm 2011. Từ khi kết hôn anh chị không xảy ra mâu thuẫn gì khiến thôn, xã phải vào hòa giải, giải quyết. Năm 2017 chị X xuất khẩu lao động sang Đài Loan. Năm 2024 anh L cũng đi lao động tại Ba Lan. Hiện nay anh L, chị X đều không có mặt tại địa phương. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn như thế nào anh không nắm được. Anh L1 và chị X có 02 con chung là cháu Sầm Ngọc K, sinh năm 2012 và cháu Sầm Minh T1, sinh năm 2014. Hiện 02 cháu đang sinh sống cùng ông Sầm Văn P và bà Đặng Thị C (bố mẹ đẻ anh L1) tại thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Về tài sản chung, vay nợ chung của anh L1, chị Xuân T2 không nắm được.

*Tại biên bản xác minh, bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Sầm Văn P và bà Đặng Thị C cùng có ý kiến như sau:*

Năm 2011 anh L1 và chị X đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh chị sống riêng nhưng vẫn trong thôn C. Đến năm 2017 chị X xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Năm 2018 anh L1 cùng hai con đến sống cùng ông bà. Tháng 6 năm 2024 anh L1 qua Hy Lạp lao động, đến tháng 9 năm 2024 anh L1 qua Ba L2 và hiện nay vẫn đang lao động tại Ba Lan. Do anh L1 và chị X làm việc cách xa nhau, anh L1 lại hay ghen nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Trong thời gian làm việc ở nước ngoài anh chị vẫn thường xuyên gọi điện về cho ông bà nhưng ông bà không biết địa chỉ cụ thể của anh chị ở đâu. Hiện nay anh L1 và chị X không có mặt tại địa phương. Ông bà cam đoan sẽ gửi văn bản của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang cho anh L1 bằng cách chụp ảnh gửi qua messenger ngay sau khi nhận được.

Trong quá trình chung sống anh L1 và chị X có 02 con chung là cháu Sầm Ngọc K, sinh ngày 17/9/2012 và cháu Sầm Minh T1, sinh ngày 01/5/2014. Hai cháu hiện đang sinh sống cùng ông bà tại thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Trong trường hợp anh L1, chị X ly hôn ông bà đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K và cháu T1 đến khi anh L1, chị X về Việt Nam.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh L1, chị X không có.

*Tại bản tự khai cháu Sầm Ngọc K trình bày:* Cháu Sầm Ngọc K, sinh ngày 17/9/2012 là con của bố Sầm Văn L và mẹ Triệu Thị X. Hiện cháu đang học lớp 7 trường trung học phổ thông xã T. Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ, nhưng do mẹ cháu đang lao động tại Đài Loan, bố cháu đang lao động ở Ba Lan nên cháu muốn ở cùng ông bà nội đến khi mẹ cháu về Việt Nam.

*Tại bản tự khai cháu Sầm Minh T1 trình bày:* Cháu Sầm Minh T1, sinh ngày 01/5/2014 là con của bố Sầm Văn L và mẹ Triệu Thị X. Hiện nay cháu đang học lớp 5 trường tiểu học xã T. Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với bố L, nhưng do bố L đang lao động ở Ba Lan, mẹ X đang làm việc ở Đài Loan nên cháu muốn ở cùng ông bà nội đến khi bố L về Việt Nam.

Do anh Sầm Văn L và chị Triệu Thị X đều đang ở nước ngoài nên căn cứ Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến phiên tòa. Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ở nước ngoài không rõ địa chỉ Tòa án đã tổng đạt văn bản cho người thân thích và thực hiện niêm yết theo quy định. Vì vậy, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc xét xử vắng mặt chị Triệu Thị X, anh Sầm Văn L, ông Sầm Văn P và bà Đặng Thị C phù hợp theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ có đủ cơ sở xác định cuộc sống vợ chồng của chị Triệu Thị X và anh Sầm Văn L đã phát sinh mâu thuẫn, gia đình đã nhiều lần khuyên can hòa giải nhưng không được, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, căn cứ Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147; Điều 179; các khoản 2, 4 Điều 207; các Điều 228, 238; 271, 273; điểm d khoản 1 Điều 469; các Điều 474, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Triệu Thị X, cho chị Triệu Thị X được ly hôn với anh Sầm Văn L.

Về con chung: Giao cháu Sầm Ngọc K, sinh ngày 17/9/2012 cho chị Triệu Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Sầm Minh T1, sinh ngày 01/5/2014 cho anh Sầm Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn đến khi đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn, được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Do hiện nay chị Triệu Thị X và anh Sầm Văn L đang lao động ở nước ngoài nên tạm giao các cháu Sầm Ngọc K1 và cháu Sầm Minh T1 cho ông Sầm Văn P và bà Đặng Thị C chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi chị Triệu Thị X và anh Sầm Văn L về Việt Nam.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Triệu Thị X xác định không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Triệu Thị X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Triệu Thị X đã nộp, chị X đã nộp đủ án phí. Anh Sầm Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo bản án: Chị Triệu Thị X, anh Sầm Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Sầm Văn P và bà Đặng Thị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Anh Sầm Văn L và chị Triệu Thị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 30/3/2011 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp. Tranh chấp giữa chị X và anh L là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị X có đơn xin ly hôn anh L; cả hai anh chị đều có quốc tịch Việt Nam nhưng hiện tại đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài. Vì vậy, việc giải quyết ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự:

Anh L1 hiện đang ở nước ngoài, không rõ địa chỉ cụ thể nhưng gia đình xác nhận anh vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Tòa án đã tiến hành niêm yết và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh L1 thông qua bố mẹ đẻ anh là ông Sầm Văn P, bà Đặng Thị C và niêm yết theo quy định. Chị Triệu Thị X đang lao động ở nước ngoài nhưng Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị X thông qua ông Nguyễn Việt T - là người đại diện theo ủy quyền giao, nhận tài liệu cho chị X; chị X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Sầm Văn P và bà Đặng Thị C đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị X, anh L1, ông P, bà C là phù hợp, đúng quy định.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị X:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị X phù hợp với ý kiến trình bày của bố mẹ đẻ anh L1 và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị X và anh L1 có mâu thuẫn, không quan tâm tới nhau, đã sống ly thân nhiều năm, mâu thuẫn đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Triệu Thị X, xử cho chị Triệu Thị X được ly hôn với anh Sầm Văn L.

[3.2] Về con chung: Chị Triệu Thị X và anh Sầm Văn L có 02 con chung là cháu Sầm Ngọc K, sinh ngày 17/9/2012 và cháu Sầm Minh T1, sinh ngày 01/5/2014. Cháu K có nguyện vọng muốn ở cùng chị X; cháu cháu T1 có nguyện vọng ở cùng L. Như vậy cần giao cháu Sầm Ngọc K cho chị Triệu Thị X và giao cháu Sầm Minh T1 cho anh Sầm Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Nhưng do anh L và chị X đang ở nước ngoài và hiện nay hai cháu đang ở cùng ông Sầm Văn P, bà Đặng Thị C (là ông bà nội của các cháu K, T1). Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu K và cháu T1, cần tạm giao cháu K và cháu T1 cho ông Sầm Văn P, bà Đặng Thị C cùng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi chị X và anh L về Việt Nam. Chị X, anh L được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cầu dưỡng nuôi con chung khi ly hôn.

[3.3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Triệu Thị X xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Triệu Thị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Sầm Văn L không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147; Điều 179; các khoản 2, 4 Điều 207; các Điều 228, 238, 266, 271, 273, 469, 474, 478, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Triệu Thị X, cho chị Triệu Thị X được ly hôn với anh Sầm Văn L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2011 cấp ngày 30 tháng 3 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

#### 2. Về con chung:

Giao cháu Sầm Ngọc K, sinh ngày 17/9/2012 cho chị Triệu Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Giao cháu Sầm Minh T1, sinh ngày 01/5/2014 cho anh Sầm Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi .

Chị Triệu Thị X, anh Sầm Văn L được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn. Do hiện nay chị X và anh L đang làm việc ở nước ngoài, nên tạm giao cháu K, cháu T1 cho ông Sầm Văn P và bà Đặng Thị C cùng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi chị X và anh L về Việt Nam.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Triệu Thị X xác định không có, không đề nghị giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Triệu Thị X phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Việt T nộp thay chị X là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0003511 ngày 01 tháng 11 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên

Quang; chị X đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Sầm Văn L không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Triệu Thị X và anh Sầm Văn L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Ông Sầm Văn P và bà Đặng Thị C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

*Nơi nhận:*

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THA dân sự tỉnh;
- UBND xã Thanh Tương, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phúc An Hoàn**



**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Thanh Nguyễn Thị  
Tâm**

**Phúc An Hoàn**